

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU

**PHARMEDIC**

367, Nguyễn Trãi, Q1

**MST : 0300483037**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ IV NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>249.899.005.060</b>	<b>221.367.604.779</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>106.091.142.046</b>	<b>122.037.494.521</b>
1. Tiền	111		11.091.142.046	3.037.494.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	119.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.297.341.949</b>	<b>41.384.173.734</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.677.089.577	33.358.662.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.172.819.841	7.287.097.348
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	995.420.263	1.435.707.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(547.987.732)	(697.293.367)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>73.722.928.304</b>	<b>56.942.356.249</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	73.722.928.304	56.942.356.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.787.592.761</b>	<b>1.003.580.275</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.787.424.333	1.003.580.275
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		168.428	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.7	-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>47.092.333.835</b>	<b>39.907.190.883</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.021.609.689</b>	<b>37.892.402.328</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	41.414.177.844	35.317.897.401
- Nguyên giá	222		150.651.891.593	135.783.364.322
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(109.237.713.749)	(100.465.466.921)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.607.431.845	2.574.504.927
- Nguyên giá	228		5.809.411.512	5.685.796.845
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.201.979.667)	(3.111.291.918)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.070.724.146</b>	<b>2.014.788.555</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.070.724.146	2.014.788.555



	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>296.991.338.895</b>	<b>261.274.795.662</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.654.057.812</b>	<b>55.064.852.553</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.654.057.812</b>	<b>55.064.852.553</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.980.903.481	6.524.177.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	143.863.040	142.153.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.851.450.609	7.694.782.251
4. Phải trả người lao động	314	V.15	27.858.603.181	27.065.691.818
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	5.108.746.247	5.171.304.365
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8.710.491.254	8.466.742.821
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>PL</b>	<b>238.337.281.083</b>	<b>206.209.943.109</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>238.337.281.083</b>	<b>206.209.943.109</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.325.730.000	93.325.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.325.730.000	93.325.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		972.972.000	972.972.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		97.153.365.347	72.887.578.695
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.885.213.736	39.023.662.414
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>296.991.338.895</b>	<b>261.274.795.662</b>

Người lập biểu

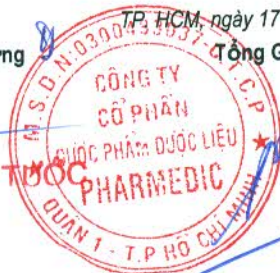
*Trần Mạnh Hùng*

**Trần Mạnh Hùng**

Kế Toán Trưởng

*Uke*

**CAO TẤN THỨC**



TP. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám Đốc

**DS. TRẦN VIỆT TRUNG**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>110.486.829.293</b>	<b>105.721.580.876</b>	<b>414.159.236.414</b>	<b>388.004.910.081</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	58.710.440	114.936.177	222.157.894	346.241.963
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>110.428.118.853</b>	<b>105.606.644.699</b>	<b>413.937.078.520</b>	<b>387.658.668.118</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	62.109.392.047	60.139.267.802	233.034.316.384	222.099.438.535
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>48.318.726.806</b>	<b>45.467.376.897</b>	<b>180.902.762.136</b>	<b>165.559.229.583</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.323.217.572	1.687.548.115	5.901.327.218	4.116.793.740
7. Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính	22	VI.5	643.968	1.792.941	42.482.434	123.038.304
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	14.265.604.661	13.122.696.650	49.388.206.726	45.674.664.929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	12.232.162.459	10.844.716.918	44.763.788.978	40.883.548.654
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>24.143.533.290</b>	<b>23.185.718.503</b>	<b>92.609.611.216</b>	<b>82.994.771.436</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.8	86.058.454	98.609.340	983.116.072	756.769.994
12. Chi phí khác	32	VI.9	21.870.719	593.298.027	692.833.653	1.140.480.031
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>64.187.735</b>	<b>-494.688.687</b>	<b>290.282.419</b>	<b>-383.710.037</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>24.207.721.025</b>	<b>22.691.029.816</b>	<b>92.899.893.635</b>	<b>82.611.061.399</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	5.165.325.374	5.474.468.165	18.964.106.899	18.687.825.985
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>19.042.395.651</b>	<b>17.216.561.651</b>	<b>73.935.786.736</b>	<b>63.923.235.414</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	<b>VI.11</b>	<b>1.545</b>	<b>1.397</b>	<b>6.024</b>	<b>5.181</b>

Người lập biểu

*Trần Mạnh Hùng*

Kế toán trưởng

**CAO TẤN TƯỚC**

TP. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám Đốc



**ĐS. TRẦN VIỆT TRUNG**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>92.899.893.635</b>	<b>82.611.061.399</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>			<b>3.373.377.974</b>	<b>4.572.954.144</b>
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.8&V.9	9.394.508.177	8.523.387.690
Các khoản dự phòng	03		(149.305.635)	171.890.510
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(60.113.588)	(16.653.432)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.811.710.980)	(4.105.670.624)
Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>96.273.271.609</b>	<b>87.184.015.543</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(4.703.917.420)	(1.068.706.805)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.780.572.055)	7.932.002.551
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(40.337.185.285)	1.597.898.076
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.839.779.649)	(641.685.672)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(19.813.127.585)	(18.590.747.919)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(19.166.525.129)	(16.477.735.773)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.367.835.514)</b>	<b>59.935.040.001</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(15.523.715.538)	(8.845.341.812)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		77.272.728	137.409.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.734.438.252	3.968.261.533
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.711.604.558)</b>	<b>(4.739.671.188)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		22.133.487.597	(22.168.301.280)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>22.133.487.597</b>	<b>(22.168.301.280)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(15.946.352.475)</b>	<b>33.027.067.533</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>122.037.494.521</b>	<b>89.010.426.988</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>106.091.142.046</b>	<b>122.037.494.521</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám Đốc

*Trần Mạnh Hùng*

**CAO TẤN TƯỚC**



**ĐS. TRẦN VIỆT TRUNG**

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

#### Thuyết minh báo cáo tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính của Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ Phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là "Công ty").

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển thể từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh Dược phẩm Dược liệu thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4261/QĐ-UB ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;

Liên doanh, liên kết với tổ chức và các cá nhân ở trong và ngoài nước gia công chế biến một số nguyên phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);

In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;

Sản xuất, mua bán hoá chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở).

#### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

#### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông Tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành của Bộ Tài chính.

##### 2. Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic cam kết tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và lập Báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

### Thuyết minh báo cáo tài chính

3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;  
Phương pháp- xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;  
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập dự phòng (nếu có) trên cơ sở chênh lệch lớn hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### 3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo quy định của thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

##### 4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

**Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Thiết bị, phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	05 - 08 năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

#### Thuyết minh báo cáo tài chính

---

##### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

##### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

##### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

##### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

##### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

##### 10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

##### 11. Doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành ;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ.

##### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

##### 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

###### Thuế thu nhập hiện hành



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 14. Phân loại tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

#### Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính thì các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

#### **16. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **18. Bên liên quan**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**19. Nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt		474.369.645		293.116.688
Tiền gửi ngân hàng		10.616.772.401		2.744.377.833
Trong đó : Tiền gửi USD	6.362,98	144.566.906	1.843,18	41.379.391
Tiền gửi EURO	1.056,77	25.085.225	1.067,69	26.112.494
Các khoản tương đương tiền		95.000.000.000		119.000.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		95.000.000.000		119.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>106.091.142.046</b>		<b>122.037.494.521</b>

**2. Các khoản phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng tiền bán sản phẩm	33.587.729.277	33.096.556.107
Phải thu khách hàng nhượng nguyên liệu	89.360.300	262.106.176
<b>Cộng</b>	<b>33.677.089.577</b>	<b>33.358.662.283</b>

**3. Các khoản trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước nhập nguyên liệu cho sản xuất	3.295.462.627	3.130.146.495
Ứng trước mua máy móc thiết bị cho sản xuất	7.972.568.574	4.036.597.389
Ứng trước cho hoạt động khác	904.788.640	120.353.464
<b>Cộng</b>	<b>12.172.819.841</b>	<b>7.287.097.348</b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân chưa thu		-
Phải thu khác	514.258.617	27.538.652
Ước lãi tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng, tính từ ngày gửi đến 31/12	481.161.646	611.917.805
<b>Cộng</b>	<b>995.420.263</b>	<b>639.456.457</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	28.773.918.019	29.903.926.150
Công cụ, dụng cụ	496.796.165	223.021.432
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.145.681.056	4.244.364.890
Thành phẩm	36.500.648.187	22.172.862.979
Hàng hoá	805.884.877	398.180.798
<b>Cộng</b>	<b>73.722.928.304</b>	<b>56.942.356.249</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm các loại	115.057.224	
Công cụ dụng cụ	1.672.367.109	1.003.580.275
<b>Cộng</b>	<b>1.787.424.333</b>	<b>1.003.580.275</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>28.924.609.099</b>	<b>85.257.866.102</b>	<b>19.229.849.865</b>	<b>2.371.039.256</b>	<b>135.783.364.322</b>
Tăng trong kỳ	101.017.563	9.991.844.036	5.150.237.272	157.002.000	15.400.100.871
Mua mới	101.017.563	9.991.844.036	5.150.237.272	157.002.000	15.400.100.871
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	490.100.100	41.473.500	531.573.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	490.100.100	41.473.500	531.573.600
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.025.626.662</b>	<b>95.249.710.138</b>	<b>23.889.987.037</b>	<b>2.486.567.756</b>	<b>150.651.891.593</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>19.674.477.811</b>	<b>66.684.976.866</b>	<b>12.187.494.781</b>	<b>1.918.517.463</b>	<b>100.465.466.921</b>
Tăng trong kỳ	1.398.069.874	5.664.550.392	2.042.925.441	198.274.721	9.303.820.428
Khấu hao trong kỳ	1.398.069.874	5.664.550.392	2.042.925.441	198.274.721	9.303.820.428
Giảm trong kỳ	-	-	490.100.100	41.473.500	531.573.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	490.100.100	41.473.500	531.573.600
Khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.072.547.685</b>	<b>72.349.527.258</b>	<b>13.740.320.122</b>	<b>2.075.318.684</b>	<b>109.237.713.749</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>9.250.131.288</b>	<b>18.572.889.236</b>	<b>7.042.355.084</b>	<b>452.521.793</b>	<b>35.317.897.401</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.953.078.977</b>	<b>22.900.182.880</b>	<b>10.149.666.915</b>	<b>411.249.072</b>	<b>41.414.177.844</b>

Trong đó,

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 72.891.629.266 đồng

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số đầu năm</b>	<b>2.916.105.767</b>	<b>1.511.264.878</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>5.685.796.845</b>
Tăng trong kỳ	-	123.614.667	-	123.614.667
Mua trong kỳ	-	123.614.667	-	123.614.667
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.916.105.767</b>	<b>1.634.879.545</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>5.809.411.512</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
<b>Số đầu năm</b>	<b>349.932.690</b>	<b>1.502.933.028</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>3.111.291.918</b>
Tăng trong kỳ	58.322.115	32.365.634	-	90.687.749
Khấu hao trong kỳ	58.322.115	32.365.634	-	90.687.749
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>408.254.805</b>	<b>1.535.298.662</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>3.201.979.667</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
<b>Số đầu năm</b>	<b>2.566.173.077</b>	<b>8.331.850</b>	<b>-</b>	<b>2.574.504.927</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.507.850.962</b>	<b>99.580.883</b>	<b>-</b>	<b>2.607.431.845</b>

Trong đó,

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 2.769.691.078 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính****9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
Sửa chữa tài sản cố định	1.606.303.279	1.576.197.071
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.464.420.867	438.591.484
<b>Cộng</b>	<b>3.070.724.146</b>	<b>2.014.788.555</b>

**10. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua nguyên vật liệu cho sản xuất	9.855.411.577	6.324.463.332
Mua máy móc thiết bị cho sản xuất	34.480.000	83.898.224
Mua vật dụng khác cho sản xuất	91.011.904	115.816.342
<b>Cộng</b>	<b>9.980.903.481</b>	<b>6.524.177.898</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trả trước tiền mua sản phẩm	0	
Khách hàng trả trước tiền khác	143.863.040	142.153.400
<b>Cộng</b>	<b>143.863.040</b>	<b>142.153.400</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng hàng hoá dịch vụ bán ra	58.363.987	4.112.288.309	4.099.734.950	70.917.346
Thuế giá trị gia tăng nguyên liệu nhập khẩu	-	1.873.685.881	1.873.685.881	-
Thuế nhập khẩu	-	51.350.598	51.350.598	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.360.825.985	18.964.408.499	19.813.127.585	6.512.106.899
Thuế thu nhập cá nhân	274.791.479	3.235.482.431	3.243.227.494	267.046.416
Thuế tài nguyên	800.800	12.885.200	12.474.480	1.211.520
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	850.231.495	850.231.495	-
Thuế GTGT nộp thay nhà cung cấp nước ngoài	-	1.232.722	1.232.722	-
Thuế TNDN nộp thay nhà cung cấp nước ngoài	-	13.532.553	13.532.553	-
Phí, lệ phí & nộp khác	-	435.009	435.009	-
<b>Cộng</b>	<b>7.694.782.251</b>	<b>29.119.532.697</b>	<b>29.963.032.767</b>	<b>6.851.282.181</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm XH, YT, thất nghiệp & KPCĐ nộp thừa/thiếu	60.975.993	155.102.204
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.000.000	997.000.000
Cổ tức phải trả	3.964.184.364	3.699.496.761
Chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả	260.585.890	
Bán phế liệu		
Phải trả khác (khách hàng trả nhầm)	-	319.705.400
<b>Cộng</b>	<b>5.108.746.247</b>	<b>5.171.304.365</b>

**14. Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.392.514.007	10.782.485.312	10.492.661.819	4.682.337.500
Quỹ phúc lợi	3.265.804.120	5.033.626.479	5.688.038.310	2.611.392.289
Quỹ thưởng BQL, điều hành (Quỹ thù lao Hội đồng quản trị)	808.424.694	3.594.161.771	2.985.825.000	1.416.761.465

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

<b>Cộng</b>	<b>8.466.742.821</b>	<b>19.410.273.562</b>	<b>19.166.525.129</b>	<b>8.710.491.254</b>
<b>15. Vốn chủ sở hữu</b>				
<b>Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu</b>				
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày trên Phụ lục đính kèm				
<b>Cổ phiếu</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			9.332.573	9.332.573
Số lượng cổ phiếu đã phát hành			9.332.573	9.332.573
- Cổ phiếu phổ thông			9.332.573	9.332.573
- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại			-	-
- Cổ phiếu phổ thông			-	-
- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9.332.573	9.332.573
- Cổ phiếu phổ thông			9.332.573	9.332.573
- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)			10.000	10.000
<i>(*) Tăng từ nguồn vốn chủ sở hữu (theo Nghị quyết ĐHDCĐ ngày 05/12/2012 và GCN đăng ký doanh nghiệp ngày 21/06/2013).</i>				
<b>(**) Chi tiết lợi nhuận chưa phân phối gồm</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>				<b>39.023.662.414</b>
<b>Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ</b>				<b>73.935.786.736</b>
<b>Giảm trong kỳ, gồm :</b>				<b>66.074.235.414</b>
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2015			24.265.786.652	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi & thù lao HĐQT-BKS từ lợi nhuận			19.410.273.562	
- Từ lợi nhuận năm 2015		1.692.273.562		
- Từ lợi nhuận năm 2016		17.718.000.000		
Cổ tức trả cổ đông (bằng tiền)			22.398.175.200	
- Trả bổ sung (đợt 2) năm 2015		13.065.602.200		
- Tạm ứng cổ tức (đợt 1) năm 2016		9.332.573.000		
<b>Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2016</b>			<b>-</b>	<b>46.885.213.736</b>

**VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu hàng hoá	7.411.289.154	8.013.044.008
- Doanh thu thành phẩm	406.747.947.260	379.991.866.073
Trong đó : Xuất khẩu	184.892.400	2.393.888.000
<b>Cộng</b>	<b>414.159.236.414</b>	<b>388.004.910.081</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Hàng hóa bán bị trả lại	10.634.716	4.980.505
- Thành phẩm bán bị trả lại	211.523.178	341.261.458
<b>Cộng</b>	<b>222.157.894</b>	<b>346.241.963</b>
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Doanh thu hàng hoá	7.400.654.438	8.008.063.503



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

- Doanh thu thành phẩm	406.536.424.082	379.650.604.615
<i>Trong đó : Xuất khẩu</i>	184.892.400	2.393.888.000
<b>Cộng</b>	<b>413.937.078.520</b>	<b>387.658.668.118</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	-	-
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	6.062.662.702	6.722.085.966
Giá vốn thành phẩm đã bán	226.971.653.682	215.377.352.569
<b>Cộng</b>	<b>233.034.316.384</b>	<b>222.099.438.535</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	-	-
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.734.438.252	3.968.261.533
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	53.204.890	24.927.724
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.570.488	106.951.051
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.113.588	16.653.432
<b>Cộng</b>	<b>5.901.327.218</b>	<b>4.116.793.740</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>	-	-
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	46.627.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.482.434	76.411.198
<b>Cộng</b>	<b>42.482.434</b>	<b>123.038.304</b>
<b>7. Chi phí bán hàng</b>	-	-
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	30.606.446.091	27.210.011.733
<i>Chi phí tiền lương</i>	27.211.076.883	24.080.118.123
<i>Chi phí KPCĐ, BHXH, BHYT &amp; BHTN</i>	2.504.939.208	2.309.198.610
<i>Chi phí ăn giữa ca</i>	890.430.000	820.695.000
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.157.186.294	1.317.191.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.253.632.873	827.619.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.837.134.538	2.052.400.496
Chi phí bằng tiền khác	13.533.806.930	14.267.441.532
<b>Cộng</b>	<b>49.388.206.726</b>	<b>45.674.664.929</b>
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	-
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	32.247.924.320	29.808.868.778
<i>Chi phí tiền lương</i>	29.150.065.236	26.994.757.965
<i>Chi phí KPCĐ, BHXH, BHYT &amp; BHTN</i>	2.323.304.084	2.075.255.813
<i>Chi phí ăn giữa ca</i>	774.555.000	738.855.000
Chi phí vật liệu công cụ dụng cụ quản lý	992.971.192	957.759.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.075.368.874	1.154.158.401
Thuế, phí và lệ phí	872.793.949	1.618.781.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.820.573.366	3.524.653.340
Chi phí bằng tiền khác	5.754.157.277	3.819.327.091
<b>Cộng</b>	<b>44.763.788.978</b>	<b>40.883.548.654</b>
<b>9. Thu nhập khác</b>	-	-
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhượng bán tài sản cố định thanh lý	77.272.728	137.409.091

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Nhượng bán nguyên phụ liệu	755.121.854	470.982.810
Tiền khách hàng trả thừa	-	5.546
Bán phế liệu	150.721.490	148.372.547
<b>Cộng</b>	<b>983.116.072</b>	<b>756.769.994</b>

**10. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
Chi phí nhượng bán nguyên phụ liệu	691.963.635	598.579.149
Thuế TNDN, GTGT phải nộp bổ sung năm 2014	-	418.830.230
Phạt kê khai & chậm nộp thuế (theo Quyết định thanh tra thuế số 2485/QĐ-CT-XP ngày 07/6/2016 của Cục Thuế TP. HCM).	870.018	123.070.652
<b>Cộng</b>	<b>692.833.653</b>	<b>1.140.480.031</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.899.893.635	82.611.061.399
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp :		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.920.640.861	2.333.596.623
Thuế TNDN, GTGT phải nộp bổ sung 2014 (theo QĐ Thtra thuế số 2485/QĐ-CT-XP ngày 7/6/2016 của Cục thuế TP. HCM).	-	418.830.230
Phạt hành chính & chậm nộp thuế năm 2014 (theo QĐ Thtra thuế số 2485/QĐ-CT-XP ngày 7/6/2016 của Cục thuế TP. HCM).	870.018	123.070.652
Các khoản khác	1.979.884.431	1.808.354.719
- Các khoản điều chỉnh giảm	(60.113.588)	(16.658.978)
Tổng thu nhập chịu thuế	94.820.534.496	84.944.658.022
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp</b>	<b>18.964.106.899</b>	<b>18.687.825.985</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.935.786.736	63.923.235.414
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	73.935.786.736	63.923.235.414
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.332.573	9.332.573
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	6.024	5.181

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.560.992.751	134.110.593.903
Chi phí nhân công	125.658.107.950	115.682.764.490
Chi phí tiền lương	108.438.458.042	99.708.118.539
Chi phí BHXH, BHYT, BHTN & KPCĐ	12.734.514.908	11.644.250.951
Chi phí ăn giữa ca	4.485.135.000	4.330.395.000
Chi phí vật dụng, công cụ và dụng cụ	5.853.961.316	5.291.925.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.425.508.177	8.523.387.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.353.846.700	12.204.007.494
Chi phí bằng tiền khác	21.910.333.551	25.649.261.395
<b>Cộng</b>	<b>336.762.750.445</b>	<b>301.461.940.968</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEIC**

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính****1 Mối liên hệ với các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết

**Tỷ lệ vốn góp**

43,44%

**2 Các nghiệp vụ thực hiện trong kỳ với các bên liên quan****2.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và các thành viên chủ chốt (\*) của Công Ty :**

- Tiền Lương

**Năm nay**

3.200.000.000

**Năm trước**

3.022.380.000

- Tiền thưởng, phụ cấp

1.667.000.000

1.540.217.000

**Cộng**

4.867.000.000

4.562.597.000

(\*) Các thành viên chủ chốt của Công Ty là các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

**Giao dịch với các bên liên quan****Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này****Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)**

Số dư đầu năm

**Năm nay**

4.905.391.588

**Năm trước**

4.263.206.600

Bán các thành phẩm

32.009.650.165

31.058.816.873

Tiền bán thành phẩm đã thu

35.042.826.022

30.416.631.885

**Công ty cổ phần Dược phẩm dược liệu-PHARMEIC**

Mua nguyên liệu hàng hóa

6.595.988.861

944.422.981

Tiền mua nguyên liệu và hàng hóa đã trả SAPHARCO

6.595.102.355

944.422.981

**Tại ngày kết thúc kỳ kế toán tình hình công nợ với bên liên quan khác như sau:**

Phải thu bán các thành phẩm cho SAPHARCO

**Số cuối kỳ**

1.872.215.731

**Số đầu năm**

4.905.391.588

**Cộng công nợ phải thu****1.872.215.731****4.905.391.588**

Phải trả mua nguyên liệu cho SAPHARCO

886.506

-

**Cộng công nợ phải trả**

886.506

-

Tất cả các giao dịch với Công ty liên kết là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Giá bán sản phẩm cung cấp cho các bên liên quan cũng như giá mua nguyên vật liệu từ các bên liên quan đều được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có thế chấp và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

**Trần Mạnh Hùng**

Kế toán trưởng

**CAO TẤN TUỐC**

Tổng Giám Đốc

**DS. TRẦN VIỆT TRUNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**  
 Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2016

**Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (**)	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>972.972.000</b>	<b>49.785.657.676</b>	<b>37.909.325.929</b>	<b>181.993.685.605</b>
Lợi nhuận tăng năm trước			23.101.921.019	63.923.235.414	87.025.156.433
Giảm trong năm trước				<b>(62.808.898.929)</b>	<b>(62.808.898.929)</b>
+ Trích lập các quỹ				(53.476.325.929)	(53.476.325.929)
+ Chia cổ tức				(9.332.573.000)	(9.332.573.000)
+ Giảm khác				-	-
<b>Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>972.972.000</b>	<b>72.887.578.695</b>	<b>39.023.662.414</b>	<b>206.209.943.109</b>
Lợi nhuận tăng năm nay				73.935.786.736	73.935.786.736
Cổ phiếu thưởng			-	-	-
Giảm trong năm nay			24.265.786.652	(66.074.235.414)	(41.808.448.762)
+ Trích lập các quỹ			24.265.786.652	(43.676.060.214)	(19.410.273.562)
+ Chia cổ tức				(22.398.175.200)	(22.398.175.200)
+ Giảm khác				-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>972.972.000</b>	<b>97.153.365.347</b>	<b>46.885.213.736</b>	<b>238.337.281.083</b>

Người lập biểu

*Trần Mạnh Hùng*

Kế toán trưởng

*CAO TẤN TUỘC*

TP. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Tổng giám đốc



*ĐS. TRẦN VIỆT TRUNG*